

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: CHUNG

1. Tên học phần:

Tiếng Việt: **Văn hóa Việt Nam**

Tiếng Anh: Vietnamese culture

Mã số học phần: 02TIENGVJET104

Số tín chỉ học phần: 03 (lý thuyết: 03, thực hành: 0)

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 45; thực hành/thí nghiệm: 0

Tự học: 105 giờ

2. Đơn vị quản lý học phần:

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Ngọc Hà
2. TS. Nguyễn Thị Nhung
3. ThS. Nguyễn Thị Hải Ninh
4. ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng
5. ThS. Trần Thị Hoàn
6. ThS. Lê Thị Hằng

2.2. Bộ môn: Lý luận chính trị

3. Điều kiện tiên quyết học phần: Tiếng Việt cơ bản; Tiếng Việt nâng cao

4. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Văn hóa Việt Nam

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết được những kiến thức cơ bản về văn hóa nói chung; về cơ sở hình thành, tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam nói riêng.

4.1.2. Hiểu biết được các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

4.1.3. Hiểu biết được các đặc trưng về mặt văn hóa của 6 vùng văn hóa ở Việt Nam.

4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Biết nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

4.2.2. Có khả năng so sánh, nhận diện được những nét riêng, độc đáo, sự khác biệt của bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam so với các nền văn hóa khác.

4.2.3. Vận dụng các giá trị văn hóa Việt Nam tạo sự thích ứng trong quá trình học tập và sinh sống tại Việt Nam

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4.3.1. Hiểu, yêu mến, trân trọng những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.

4.3.2. Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về văn hóa và các vấn đề xã hội.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Hiểu biết tổng quan về Văn hóa và lịch sử văn hóa Việt Nam
2. Nắm bắt được các vấn đề đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về nhận thức, tổ chức cộng đồng, tổ chức đời sống cá nhân, ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội và 6 vùng văn hóa cơ bản của Việt Nam.
3. Hình thành định hướng phát triển của cá nhân trong học tập, nghiên cứu và công tác trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.
4. Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong học tập và thực tiễn.

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 7 chương bao gồm những nội dung cơ bản về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng; những giá trị bản sắc văn hóa Việt Nam về nhận thức, tổ chức đời sống tập thể, tổ chức đời sống cá nhân, ứng xử với môi trường tự nhiên, ứng xử với môi trường xã hội; các nét khái quát về 6 vùng văn hóa chính của Việt Nam.

7. Cấu trúc nội dung học phần

| Đề mục | Nội dung | Số tiết | | | Mục tiêu |
|-----------------|--|------------|------------|----------|----------|
| | | Tổng | Lý thuyết | TH/TN | |
| Chương 1 | Một số vấn đề chung về văn hóa và văn hóa Việt Nam | 6.0 | 6.0 | 0 | 4.1.1 |
| 1.1 | Khái lược về văn hóa 1.1.1. Khái niệm văn hóa 1.1.2. Phân biệt văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. 1.1.3. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa 1.1.4. Quy luật của văn hóa | 3.0 | 3.0 | 0 | |
| 1.2 | Khái lược về văn hóa Việt Nam 1.2.1. Định vị văn hóa Việt Nam 1.2.2. Tiến trình văn hóa Việt Nam | 3.0 | 3.0 | 0 | |
| Chương 2 | Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về nhận thức | 5.0 | 5.0 | 0 | |

| Đề mục | Nội dung | Số tiết | | | Mục tiêu |
|-----------------|--|-------------|-------------|----------|----------|
| | | Tổng | Lý thuyết | TH/TN | |
| 2.1 | Nhận thức về vũ trụ 2.1.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất vũ trụ 2.1.2. Triết lý về cấu trúc không gian của vũ trụ 2.1.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ | 3.0 | 3.0 | 0 | 4.1.2 |
| 2.2. | Nhận thức về con người 2.1.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất vũ trụ 2.1.2. Triết lý về cấu trúc không gian của vũ trụ 2.1.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ | 2.0 | 2.0 | 0 | |
| | Thảo luận chương 2 | 1.0 | 1.0 | 0 | 4.1.2 |
| Chương 3 | Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về tổ chức đời sống tập thể | 4.0 | 4.0 | 0 | |
| 3.1 | Tổ chức cộng đồng gia tộc 3.1.1. Tổ chức gia đình 3.1.1. Tổ chức gia tộc | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 3.2 | Tổ chức đô thị 3.2.1. Cơ cấu tổ chức đô thị 3.2.2. Đặc điểm đô thị Việt Nam | 0.5 | 0.5 | 0 | |
| 3.3 | Tổ chức nông thôn | 0.5 | 0.5 | 0 | |
| 3.4 | Tổ chức quốc gia 3.4.1. Tổ chức bộ máy nhà nước 3.4.2. Các định chế cơ bản của nhà nước 3.4.3. Chức năng nhiệm vụ của nhà nước 3.4.4. Đặc điểm của quốc gia Việt Nam | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| | Thảo luận chương 3 | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| Chương 4 | Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về tổ chức đời sống cá nhân | 12.0 | 12.0 | 0 | |
| 4.1 | Tín ngưỡng | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 4.2 | Phong tục | 2.0 | 2.0 | 0 | |

| Đề mục | Nội dung | Số tiết | | | Mục tiêu |
|-----------------|---|------------|------------|----------|----------|
| | | Tổng | Lý thuyết | TH/TN | |
| 4.3 | Lễ Tết và lễ hội | 4.0 | 4.0 | 0 | 4.1.2 |
| 4.4 | Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| 4.5 | Nghệ thuật thanh sắc và hình khối | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| | Thảo luận chương 4 | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| | Kiểm tra 1 tiết | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| Chương 5 | Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về ứng xử với môi trường tự nhiên | 5.0 | 5.0 | 0 | 4.1.2 |
| 5.1 | Âm thực | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| 5.2 | Trang phục | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 5.3 | Cư trú và đi lại | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| | Thảo luận chương 5 | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| Chương 6 | Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về ứng xử với môi trường xã hội | 6.0 | 6.0 | 0 | 4.1.2 |
| 6.1 | Giao lưu với Ấn Độ | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| 2.2 | Nho giáo và văn hóa Việt Nam | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 6.3 | Đạo giáo và văn hóa Việt Nam | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 6.4 | Ky tô giáo và văn hóa phương Tây ở Việt Nam | 1.5 | 1.5 | 0 | |
| | Thảo luận chương 6 | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| Chương 7 | Các vùng văn hóa Việt nam | 6.0 | 6.0 | 0 | 4.1.3 |
| 7.1 | Vùng văn hóa Tây Bắc | 0.5 | 0.5 | 0 | |
| 7.2 | Vùng văn hóa Việt Bắc | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 7.3 | Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 7.4 | Vùng văn hóa Tây Nguyên | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 7.5 | Vùng văn hóa Nam Bộ | 1.0 | 1.0 | 0 | |
| 7.6 | Vùng văn hóa Trung Bộ | 0.5 | 0.5 | 0 | |
| | Thảo luận chương 6 và ôn tập | 1.0 | 1.0 | 0 | |

8. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp thảo luận theo nhóm: Thuyết trình; Nêu vấn đề; Thảo luận nhóm/ báo cáo kết quả...
- Hướng dẫn tìm kiếm thông tin; tổ chức hoạt động.
- Giao bài tập và hướng dẫn các nội dung tự học của sinh viên.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 12

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|----|----------------------------|---|----------|---|
| 1 | Điểm chuyên cần | 01 điểm (đánh giá thái độ học tập trên lớp, ý thức chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, số tiết sinh viên tham dự/tổng số tiết quy định) | 10% | Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần |
| 2 | Điểm quá trình | 01 bài kiểm tra viết hoặc 01 tiểu luận | 30% | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | Thi tự luận (90 phút) | 60% | |

10.2. Cách tính điểm: (Ví dụ đối với học phần lý thuyết)

Điểm học phần bao gồm: điểm chuyên cần; điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

11. Tài liệu học tập, tham khảo:

11.1. Tài liệu chính:

[1] Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, 2000..

11.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Quốc Vượng. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2009.

12. Hướng dẫn tự học của học phần

| Chương | Nội dung | LT (tiết) | BT/TL (tiết) | TH (tiết) | Sinh viên cần tham khảo và chuẩn bị |
|--------|--|-----------|--------------|-----------|-------------------------------------|
| 1 | Chương 1. Một số vấn đề chung về văn hóa và văn hóa Việt Nam | 13.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |
| 2 | Chương 2. Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về nhận thức | 14.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |

| | | | | | |
|---|--|------|---|---|-------------------|
| 3 | Chương 3. Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về tổ chức đời sống tập thể | 12.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |
| 4 | Chương 4. Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về tổ chức đời sống cá nhân | 26.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |
| 5 | Chương 5. Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về ứng xử với môi trường tự nhiên | 12.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |
| 6 | Chương 6. Đặc trưng bản sắc văn hóa Việt Nam về ứng xử với môi trường xã hội | 14.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |
| 7 | Chương 7. Các vùng văn hóa Việt nam | 14.0 | 0 | 0 | Tài liệu [1], [2] |

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Hùng Thắng

TS. Nguyễn Thị Nhung

ThS. Vũ Ngọc Hà